TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 10 - 2020
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên…

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Phan Ng Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Yến Ng, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp số 1, xã KA, huyện KS, tỉnh ST

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh Đ, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr TR, xã Th H, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn chị Trần Thị Yến Ng trình bày: Chị và anh Lê Thanh Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 14/11/2017. Trong thời gian chung sống

chị Ng và anh Đ có với nhau 01 người con chung tên Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian sinh sống tại nhà cha mẹ anh Đ, anh Đ không có công việc làm, không có thu nhập ổn, nên không có tiền để sinh hoạt hàng ngày. Đến khoảng tháng 02/2020 cha mẹ ruột chị Ng thuê cho vợ chồng 10 công ruộng, kêu vợ chồng về sinh sống và canh tác để có thu nhập chi tiêu trong gia đình, nhưng anh Đ không đồng ý làm, mà bỏ đi ăn nhậu, do thiếu thốn tiền sinh hoạt, chi tiêu hàng ngày nên chị Ng ở lại nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh Đ từ đó đến nay. Nay chị Ng xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh Đ.

Về con chung: Chị Ng và anh Đ có 01 người chung là Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017. Từ khi ly thân đến nay, chị Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng con, nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Ng không đồng ý giáo con cho anh Đ nuôi dưỡng là vì anh Đ làm tài xế thường xuyên vắng nhà nên không thể chăm sóc tốt cho con. Hơn nữa, anh Đ đang sống cùng với cha mẹ, cha mẹ anh Đ đã lớn tuổi và sống cùng với vợ chồng em của anh Đ và 03 đứa cháu, nên anh Đ không có điều kiện nuôi con. Hiện tại chị Ng đang sinh sống cùng cha mẹ và phụ giúp cha mẹ làm vườn, có thu nhập, có chỗ ở ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con tốt.

Về tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh Đ trình bày: Anh Đ xác định lời trình bày của chị Ng về hôn nhân, con chung, tài sản chung và thời điểm ly thân là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn không như chị Ng trình bày, chị Ng cho rằng anh bỏ nhà đi ăn nhậu không lo cho gia đình là không đúng, mà nguyên nhân mâu thuẫn không có gì lớn, vợ chồng chỉ có cự cải một vài lần thì chị Ng đòi ly hôn và về sống với cha mẹ ruột chị Ng, còn anh thì về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị Ng xin được đoàn tụ, nhưng nếu chị Ng kiên quyết đòi ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Ng.

Về con chung: Tại phiên tòa anh Đ đồng ý con chung Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017 cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, nhưng với điều kiện không ai được quyền ngăn cản anh thăm nom con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Ng và anh Đ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Ng xét thấy không còn tình cảm với anh Đ và bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, không sống chung anh Đ. Phía bị đơn anh Đ cũng xác định nếu chị Ng kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Về con chung anh Đ đồng ý giao con cho chị Ng nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng được ly hôn với anh Lê Thanh Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017 cho chị Ng nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị Thúy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Trao Tráo, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Yến Ng và anh Lê Thanh Đ là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị Ng cho rằng giữa chị anh Đ không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị Ng đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2020 đến nay. Đối với bị đơn anh Đ xác định nếu chị Ng không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết ly hôn anh cũng không biết làm cách nào để hàn gắn tình cảm, nên anh đồng ý ly hôn với chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Yến Ng và anh Lê Thanh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Yến Ng ly hôn anh Lê Thanh Đ.

[2.2]. Về con chung: Chị Ng và anh Đ xác nhận có với nhau một người con tên là Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017. Anh Đ đồng ý giao con cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ, chị Ng có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không yêu cầu.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, chị Trần Thị Yến Ng phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Ng đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Yến Ng được ly hôn với anh Lê Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc Th, sinh ngày 11/12/2017 cho chị Trần Thị Yến Ng tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ, chị Ng có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không yêu cầu.

Anh Lê Thanh Đ được quyền tới lui thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Yến Ng phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0005406 ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Yến Ng, anh Lê Thanh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên